**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/Chủ đề**  (2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá**  (4-11) | | | | | | | | | **Tổng % điểm**  (12) |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Chương V: Phân số và số thập phân** | **Nội dung 1: *Các phép tính với phân số*** | 2  0,5đ | 2  1,0đ |  |  |  | | 2  1,0đ |  | 1  0,5đ | 30 |
| ***Nội dung 2:Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm. Hai bài toán về phân số.*** | 6  1,5đ |  |  | 4  3,0đ |  | |  |  |  | 45 |
| **2** | **Chương VI: Hình học phẳng** | **Nội dung 3:** ***Điểm, đường thẳng, tia.*** | 1  0,25đ |  |  |  |  | |  |  |  | 2,5 |
| **Nội dung 4:** . ***Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng.*** | 2  0,5đ |  |  | 1  0,5đ |  | | 1  0,5đ |  | 1  0,5đ | 20 |
|  | **Nội dung 5: *Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | 1  0,25đ |  |  |  |  | | 1  0,5đ |  |  | 7,5 |
| **Tổng** | | | **12** | **2** |  | **5** |  | | **4** |  | **2** | **25** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | | **10%** | | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | 70% | | | | | **30%** | | | | **100** |

**II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN -LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Chương V: Phân số và số thập phân** | **Nội dung 1: *Các phép tính với phân số*** | ***Nhận biết:*** *Số nghịch đảo. Phép chia phân số.*  ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...).  ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. | | 2 TN  (C1;2)  2 TL  (C 13.1;13.2) |  | 2TL ( C14.2a ;14.2b) | 1 TL  (C 16) |
|  |  | **Nội dung 2: *Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm. Hai bài toán về phân số.*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được số thập phân âm, so sánh, số đối của một số thập phân.  ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai số thập phân cho trước.  ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.  – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...).  ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. | | 6TN  (C 3;4;5;6;7;8) | 4TL (C 13.3 ;13.4 ; 14.1 ; 14.3c) |  |  |
| 2 | **Chương VI: Hình học phẳng** | **Nội dung 3:**  ***Điểm, đường thẳng, tia*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.  – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.  – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.  – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.  – Nhận biết được khái niệm tia. | | 1TN  (C 9) |  |  |  |
| 2 |  | **Nội dung 4: *Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng*** | ***Nhận biết:***  –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.  **Vận dụng:** Tính độ dài đoạn thẳng. Chứng tỏ là trung điểm cảu đoạn thẳng. | | 2TN  (C 10;11) |  | 1 TL (C 15.1) | 1 TL (C 15.2) |
| **Nội dung 5:**  . ***Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm).  – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).  – Nhận biết được khái niệm số đo góc.  **Vận dụng:** Nêu tên các các góc | | 1TN  (C 12) |  | 1 TL  (C15.3) |  |
| **Tổng** | | | |  | **14** | **5** | **4** | **2** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | **70%** | | **30%** | | |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS LÊ THÁNH TÔNG  **TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC: 2023-2024**  **Môn: TOÁN 6**  ***(Thời gian làm bài 90 phút)*** |

***I.PHẦN TRẮC NGHIỆM:(3,0 điểm)*** *Chọn một đáp án đúng trong các phương án A, B, C, D ở mỗi câu sau và ghi vào giấy bài làm (*Mỗi câu chọn đúng 0,25 điểm)

**Câu 1.**  **Nghịch đảo của phân số là:**

A. B. C. D.

**Câu 2. Kết quả phép tính: :**

A. B. C. D.

**Câu 3.**  **So sánh hai số thập phân -2,56 và -2,57 ta được kết quả:**

A. -2,56 > -2,57 B. -2,56 < -2,57 C. -2,57 -2,56 D. -2,56 = -2.57

**Câu 4. Tỉ số phần trăm của 16 và 20 là:**

A.0,8%. B**.**8%. C.16% D.80%

**Câu 5.**  **Số đối của 3,15 *là****:*

1. -3,15 B. -5,13 C.-3,51 D. 3,15

**Câu 6.** **Giá trị của x thỏa mãn 6,72 – x = 6,3 bằng:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 12,75 | B.0,42 | C. 25,62 | D. 25,26 |

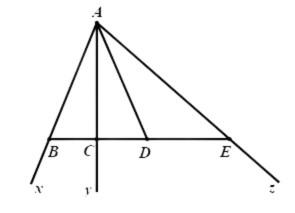
**Câu 7.**  **Số 60,986 làm tròn đến chữ số hàng đơn vị là:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 60 | B. 61 | C.60,9 | D. 60,99 |

**Câu 8.** ** của x bằng 20. Giá trị của x là:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 50 | B. 10 | C. 8 | D. 5 |

**Câu 9.**  **Số tia trong hình vẽ dưới đây:**



|  |  |
| --- | --- |
| A. 3 tia B. 4 tia . C. 6 tia. **D.**.8 tia |  |

**Câu 10.** **Chọn câu đúng.**

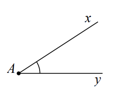
A. Qua hai điểm phân biệt có vô số đường thẳng B. Có vô số điểm cùng thuộc một đường thẳng

C. Hai đường thẳng phân biệt thì song song D. Trong ba điểm thẳng hàng thì có hai điểm nằm giữa.

**Câu 11.**  **M là trung điểm của đoạn thẳng AB khi và chỉ khi:**

A. MA = MB B.AM=AB C. MA + MB = AB D. MA + MB = AB và MA= MB

**Câu 12.**  **Viết tên góc ở hình vẽ bên bằng kí hiệu:**



**A.**. **B**. **C**.  **D.** .

**II. PHẦN TỰ LUẬN: ( 7,0 điểm)**

**Câu 13.** **(2,0 điểm)**Tính một cách hợp lí.

13.1) +-+

13.2) .-.

13.3) 39,52 + 30,48 – 54,27+(-35,73)

13.4) (-8,5).16,35 -8,5.83,65

**Câu 14. (3,0 điểm)**

**14.1 (1,5 điểm)** Khối lớp 6 của một trường THCS có 140 học sinh, học lực cuối học kì II được xếp làm bốn loại tốt, khá, đạt và chưa đạt. Số học sinh tốt chiếm 10% số học sinh cả khối, số học sinh xếp loại khá bằng số học sinh còn lại, số học sinh đạt chiếm số học sinh cả khối, còn lại là học sinh chưa đạt.

a) Tính số học sinh mỗi loại của khối lớp 6.

b) Hỏi số học sinh xếp loại đạt chiếm bao nhiêu phần trăm của lớp?( Làm tròn đến hàng phần mười)

**14.2 (1,5điểm) Tìm x, biết:**

a)

b)

c) 5,16 – 2x = (5,7 + 2,3).(-0,3)

**Câu 15. (1,5 điểm)**

Cho hai tia Ox và Oy đối nhau. Trên tia Ox lấy điểm A sao cho OA = 4cm. Trên tia Oy lấy điểm điểm B sao cho OB = 2cm. Gọi C là trung điểm của đoạn thẳng OA.

15.1) Tính độ dài AB.

15.2) Điểm O có là trung điểm của BC không? Vì sao?

15.3) Vẽ Oz khác các tia Ox, Oy. Viết tên các góc có đỉnh nằm trên đường thẳng xy có trong hình vẽ.

**Câu 16.( 0,5 điểm)** Tính giá trị biểu thức: A =++++

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN 6 NĂM HỌC 2023-2024**

**I.PHẦN TRẮC NGHIỆM: ( 3,0 điểm)**

Mỗi câu đúng 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | A | B | A | D | A | B | B | A | C | B | D | C |

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | Biểu điểm |
| 13 | 13.1) +++++(+ = (-1)+1=    13.2) .-.=.-)=  13,3) 39,52 +30,48 – 54,37+(-35,73)=(39,52 +30,48)+[ (– 54,27)+(-35,73)]  = 70 +(-90) =-(90 -70) = -20    13.4) (-8,5).16,35 -8,5.83,65 =(-8,5).(16,35 +83,65) = (-8,5) . 100 = -850 | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| 14 | **14.1** a) Số học sinh xếp loại tốt là: 140 .10% =14(học sinh)  Số học sinh xếp loại khá là: (140-14) .= 42(học sinh)  Số học sinh xếp loại đạt là: 140 .= 80(học sinh)  Số học sinh xếp loại chưa đạt là: 140 – (14 +42+80) = 4(học sinh)  b) Số học sinh đạt chiếm số phần trăm của khối là:  57,1 %  **14.2** a)        b)        c) 5,16 – 2x = 8.(-0,3)  5,16 – 2x = -2,4  -2x = - 2,4 -5,16  -2x = -7,56  x = -7,56 : (-2)  x = 3,78 | 1,0  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| 15 | C:\Users\Admin\Desktop\câu hình 6.jpg  15.1) Theo hình vẽ, ta có: AB = OA + OB = 4 + 2 = 6  Vậy AB = 6 cm  15.2) Vì C là trung điểm của đoạn thẳng OA nên  OC ===2  Suy ra: OB = OC = 2 cm  Ta lại có: Điểm O nằm giữa hai điểm B và C  Do đó: O là trung điểm của đoạn thẳng BC.  Vậy O là trung điểm của đoạn thẳng BC.  15.3) C:\Users\Admin\Desktop\z5428098148714_b08079d761aa7c597d4ef4e6b87b72c7.jpg  Các góc có trong hình vẽ:  ; ;;;;; | 0,5  0,5 |
| 16 | Ta có: : A =++++  =+++  = ==  Vậy A = | 0,5 |

Tổ trưởng chuyên môn An Dân, ngày 09 tháng 05 năm 2024

Giáo viên ra đề